

**I. Bổ sung thiết kế mẫu tại Mục I, Phần C Quy định kèm theo Quyết định số 1765/QĐ-UBND như sau:**

- Thiết kế mẫu mặt đường bê tông xi măng sử dụng tấm cao su làm vật liệu chèn khe co giãn;

- Thiết kế mẫu mặt đường bê tông xi măng có kết hợp rãnh dọc giữa: áp dụng cho những tuyến trong khu dân cư không thoát được nước ra hai bên.

\* Giải pháp kết cấu gồm:

1. Phần mặt đường:

- Nền đất đầm chặt hoặc nền cát đã tưới đầm nước đầm chặt;

- Lớp cát (đá mi) đệm dày 3cm đối với nền đất (nền cát thì không cần lớp đệm);

- Lớp lót ngăn nước bằng bao xi măng hoặc ni lon;

- Bê tông mặt đường M.250 đá 1 x 2 sử dụng loại xi măng PCB40;

- Vật liệu chèn khe co, giãn và khe dọc bằng tấm cao su.

| TT | Mẫu thiết kế | Bề rộng nền (m) | Bề rộng mặt (m) | Kết cấu                        | Tổng tải trọng P(tấn) |
|----|--------------|-----------------|-----------------|--------------------------------|-----------------------|
| 1  | MD1.5        | 1,5             | 1,5             | Bê tông xi măng M.250 dày 14cm | 3                     |
| 2  | MD2.0        | 2,0             | 2,0             | Bê tông xi măng M.250 dày 15cm | 5                     |
| 3  | MD2.5        | 2,5             | 2,5             | Bê tông xi măng M.250 dày 16cm | 6                     |
| 4  | MD3.0        | 3,0             | 3,0             | Bê tông xi măng M.250 dày 18cm | 10                    |
| 5  | MD3.5        | 3,5             | 3,5             | Bê tông xi măng M.250 dày 18cm | 10                    |
| 6  | MD4.0        | 4,0             | 4,0             | Bê tông xi măng M.250 dày 20cm | 13                    |

\* Ghi chú:

- Tổng tải trọng (P) là tải trọng của toàn xe, tải trọng trục xe 0,7P;

- Chiều dày và cường độ kết cấu mặt đường được tính toán phù hợp với tải trọng thiết kế; riêng bề rộng mặt đường có thể điều chỉnh phù hợp với mặt bằng thi công và điều kiện khai thác của công trình.